

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ F&V**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ F&V

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: F&V CONSTRUCTION, TRADE AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: F&V ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107767640

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 đường Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                               | 4610     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                   | 4931     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                 | 4932     |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                        | 4933     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa;<br>- Gửi hàng;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; | 5229     |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                      | 5610     |
| 7.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                         | 5621     |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                               | 5630     |
| 9.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                 | 8130     |
| 10. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                 | 8121     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết: các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng;<br>- Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8129 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xử lý nước - hóa chất, thiết bị ngành xông hơi công nghiệp<br>Bán buôn thiết bị ngành gas-dầu khí, thiết bị hồ bơi | 4659 |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: - Xây dựng đường ống và hệ thống nước như :<br>+ Hệ thống tưới tiêu (kênh),<br>+ Các bể chứa.<br>- Xây dựng các công trình cửa:<br>+ Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa,<br>+ Nhà máy xử lý nước thải,<br>+ Các trạm bơm,<br>+ Nhà máy năng lượng,<br>- Khoan nguồn nước.                          | 4220 |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời                                                                                                                                                                                                                                               | 4290 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>- Xây dựng đường ống và hệ thống nước như :<br>+ Hệ thống tưới tiêu (kênh),<br>+ Các bể chứa.<br>- Xây dựng các công trình cửa:<br>+ Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa,<br>+ Nhà máy xử lý nước thải,<br>+ Các trạm bơm,<br>+ Nhà máy năng lượng,<br>- Khoan nguồn nước. | 4322 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị bơm và vệ sinh; bơm hơi; lắp đặt hệ thống ống dẫn cấp thoát nước                                                                                                                                                                                                                     | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;                                                                                                                                                                                     | 4390 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                         | 5510 |

|     |                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;      | 8299        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 5221        |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                          | 5224        |
| 29. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                     | 4100(Chính) |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                 | 4210        |
| 31. | Phá dỡ                                                                                                                                    | 4311        |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                         | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM TUÂN       | P2002D VP3, khu đô thị Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 333.334    | 3.333.340.000         | 33,334    | 036081000869                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 333.334    | 3.333.340.000         | 33,334    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LƯƠNG MINH HÙNG | P5-Q23 tập thể Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 333.333    | 3.333.330.000         | 33,333    | 011988571                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 333.333    | 3.333.330.000         | 33,333    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN HOÀNG HUY  | 13 nhà D3 TT tổng CTLM-số 24, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 333.333    | 3.333.330.000         | 33,333    | 001077009789                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 333.333    | 3.333.330.000         | 33,333    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM TUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036081000869

Ngày cấp: 16/09/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P2002D VP3, khu đô thị Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2002D VP3, khu đô thị Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội